

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 46/2021/HS-ST
Ngày 06-8-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Tịnh

Ông Vương Lê Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2021/TLST-HS, ngày 25 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Tàng Văn P, sinh ngày 06/8/1987 tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tàng Văn P (đã chết) và bà Hoàng Thị G; có vợ Hoàng Thị O và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bản án số 75/2010/HSPT, ngày 10/11/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Cường đoạt tài sản (chấp hành xong 10/11/2014) đã được xóa án tích; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

2. Lường Văn T, sinh ngày 25/4/1994 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn K (đã chết) và bà Vy Thị E; có vợ Triệu Thị M và có con 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

3. Lộc Văn K, sinh ngày 17/02/1995 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lộc Văn E (đã chết) và bà Lành Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bản án số 49/2013/HSPT, ngày 05/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 năm 06 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích (18/01/2017 chấp hành xong án phạt tù), đã được xóa án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tàng Văn P:* Bà Triệu Thị Kim L, Luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vy Thị E; chị Triệu Thị M địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

2. Chị Hoàng Thị O; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ ngày 07/12/2020, Tổ công tác phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Công an huyện Lộc Bình; Công an xã Tĩnh Bắc, huyện Lộc Bình làm nhiệm vụ tại khu vực thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn phát hiện một xe ô tô nhãn hiệu Suzuki màu trắng biển kiểm soát 12A-05123 đang dừng đỗ cạnh đường và một nam thanh niên đi xe mô tô đỗ bên cạnh có biểu hiện nghi vấn, tổ công tác đã tiến hành kiểm tra, qua kiểm tra phát hiện 03 người nam giới người Việt Nam tên Tàng Văn P; Lường Văn T; Lộc Văn K và 05 người đàn ông Trung Quốc tên Chu Hiền L; Lý Hiểu Đ; Vuơ Trường N; Diệp Kim C; Trần Thư Nt. Qua khai thác Tàng Văn P, Lường Văn T, Lộc Văn K đều khai nhận đang đưa dẫn 05 người Trung Quốc trên xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc theo đường mòn biên giới thuộc khu vực Cửa khẩu B, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Lực lượng chức năng đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định. Qua điều tra xác định:

Khoảng đầu năm 2010, Tàng Văn P xuất cảnh trái phép sang khu vực Bản B, Tòng M, Ninh M, Quảng Tây, Trung Quốc chơi và quen một người đàn ông Trung Quốc thường gọi là Voòng (*gọi theo họ, không biết tên cụ thể*), khoảng hơn 30 tuổi, sau đó Tàng Văn P và Voòng kết bạn với nhau qua Wechat, thỉnh thoảng Tàng Văn P và Voòng liên lạc hỏi thăm nhau. Khoảng 06 giờ ngày 07/12/2020, Tàng Văn P đang ở thị trấn L, huyện L được Voòng thông báo qua Wechat cho biết có 05 người Trung Quốc đang có nhu cầu xuất cảnh trái phép từ Việt Nam về Trung Quốc, đồng thời Voòng đặt vấn đề thuê P đưa dẫn 05 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam về Trung Quốc theo đường mòn cửa khẩu B thuộc xã B, huyện Đ, tỉnh

Lạng Sơn với tiền công 3000NDT (nhân dân tệ)/05 người, Tàng Văn P đồng ý và thống nhất với Vòng sẽ đón khách từ khu vực thị trấn L để đưa đi theo hướng xã T, huyện L lên khu vực cửa khẩu B, huyện Đ khi P đưa khách lên đến khu vực biên giới thì Vòng sẽ trực tiếp lên đón và trả tiền công.

Khoảng 08 giờ, Tàng Văn P sử dụng chứng minh nhân dân của bản thân để đăng ký mua 01 sim điện thoại có số 325471882, đồng thời Tàng Văn P gửi số điện thoại này cho Vòng thông qua Wechat và dặn Vòng khi nào có người đưa khách đến thị trấn L, huyện L thì gọi cho Tàng Văn P theo số điện thoại trên, Vòng đồng ý. Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 07/12/2020, khi đang ăn cơm tại nhà Lương Văn C, Tàng Văn P nhận được điện thoại từ số 0865958914 của một người đàn ông (*không biết tên, địa chỉ*) người này cho P biết được người Trung Quốc cho số điện thoại, bảo Tàng Văn P đến khu vực C thuộc thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để đón khách Trung Quốc. Sau khi có người gọi đi đón khách, Tàng Văn P hỏi Lương Văn C biết ai có xe ô tô chở khách không, đồng thời Tàng Văn P cho mọi người biết đang có 04 khách là người Bắc Giang đang đợi ở khu vực cầu G thuộc thôn P, xã T, Tàng Văn P đang tìm xe đón và đưa lên khu vực cửa khẩu B để phát rùng cho Tàng Văn P. Lương Văn C cho Tàng Văn P biết là Lương Văn T có xe ô tô chở khách, Lương Văn C cho Tàng Văn P số điện thoại của Lương Văn T để trực tiếp liên lạc với nhau.

Sau đó Tàng Văn P một mình đi xe máy biển kiểm soát 12Z1- 031.88 của mình ra khu vực cầu G để đón khách. Trên đường đi Tàng Văn P gọi cho Lương Văn T để đặt vấn đề thuê chở 05 khách Trung Quốc lên khu vực cửa khẩu B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn với tiền công 1.000.000đồng/01 khách, Lương Văn T đồng ý. Khi Tàng Văn P đi xe máy ra đến khu vực cầu G thì gặp 01 xe ô tô nhãn hiệu Suzuki (*không nhớ biển kiểm soát*) chở 05 người Trung Quốc đến giao cho Tàng Văn P, sau đó người này lái xe đi. Tàng Văn P cho khách nấp ở đoạn đường vắng để đợi Lương Văn T đến đón.

Khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, Lương Văn T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 12A- 051.23 đến điểm hẹn gặp Tàng Văn P và đón được 05 khách Trung Quốc. Tàng Văn P bảo Lương Văn T cứ đưa những khách này lên khu vực cửa khẩu B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn trước, còn Tàng Văn P sẽ đi xe máy theo sau. Sau khi đón và chở khách đi được một đoạn (*đi qua khu vực UBND xã T*) do không giao tiếp được với những khách Trung Quốc nên Lương Văn T đã gọi điện thoại cho Lộc Văn K để thuê Lộc Văn K đi cùng với mục đích phiên dịch tiếng Trung Quốc cho Lương Văn T. Khi điện thoại, Lương Văn T chưa nói cho Lộc Văn K biết việc đưa người Trung Quốc xuất cảnh trái phép mà chỉ bảo Lộc Văn K cùng đi lên khu vực cửa khẩu B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn bốc vác hàng hóa và sẽ được trả tiền công, Lộc Văn K đồng ý.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi đưa 05 người Trung Quốc về gần đến nhà tại thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Lương Văn T gọi điện thoại cho Lộc Văn K đi xe máy đến nhà Lương Văn T để cùng nhau đi xe ô tô lên khu vực cửa khẩu B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Khi Lộc Văn K lên xe ô tô thì được Lương Văn T cho biết đang đưa 05 người Trung Quốc lên khu vực cửa khẩu B, huyện Đ, tỉnh Lạng

Sơn đề xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lộc Văn K có nhiệm vụ phiên dịch cho những người Trung Quốc ở trên xe, khi nào xong việc quay về Lương Văn T sẽ trả tiền công cho Lộc Văn K nhưng chưa thống nhất tiền công cụ thể, Lộc Văn K đồng ý. Khi Lương Văn T và Lộc Văn K đang đưa người vào đến khu vực thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì Tàng Văn P gọi điện thoại cho Lương Văn T thông báo không đưa được người lên khu vực cửa khẩu B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn do lực lượng Bộ đội Biên phòng đang tăng cường tuần tra, kiểm soát tại khu vực biên giới nên sợ bị phát hiện, Tàng Văn P bảo Lương Văn T dừng xe lại để đợi. Lương Văn T dừng xe tại khu vực thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để đợi Tàng Văn P.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, Tàng Văn P đi xe máy đến khu vực thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn gặp Lương Văn T và Lộc Văn K cùng 05 người khách Trung Quốc đang đợi. Tại đây, Tàng Văn P liên lạc với Vòng qua Wechat cho biết không tiếp tục đưa người đi theo đường mòn thuộc khu vực cửa khẩu B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn được, Vòng cho biết cứ đợi sẽ có người khác liên lạc đến đón và đưa khách đi.

Trong khi Tàng Văn P, Lộc Văn K, Lương Văn T cùng 05 công dân Trung Quốc đang đứng đợi người vào đón thì bị lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tiến hành kiểm tra, phát hiện Tàng Văn P, Lương Văn T, Lộc Văn K đang tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Cáo trạng số 78/CT-VKS-P2 ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Tàng Văn P, Lương Văn T, Lộc Văn K về Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Tàng Văn P, Lương Văn T, Lộc Văn K phạm tội: Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, các điều 17, 38, 50, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Tàng Văn P; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51 các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lương Văn T, Lộc Văn K; đề nghị xử phạt bị cáo Tàng Văn P từ 5 (năm) năm 06 (sáu) đến 06 (sáu) năm; xử phạt bị cáo Lương Văn T, Lộc Văn K từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng năm 2015: Tịch thu sung quỹ Nhà nước các điện thoại các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu 50% giá trị chiếc xe mô tô, ô tô các bị cáo dùng vào việc phạm tội; trả lại các giấy tờ tài sản không liên quan đến tội phạm, trả lại 50% giá trị chiếc xe ô tô, mô tô cho vợ của các bị cáo Lương Văn T, Tàng Văn P. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Tàng Văn P trình bày: Nhất trí với ý của đại diện Viện kiểm sát về tội danh. Tuy nhiên bị cáo phạm tội chưa đạt vì khi đi được nửa đường các bị cáo đã quay về, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là người sống tại vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp (1/12) nên nhận thức pháp luật hạn chế. Do vậy, đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị và trả lại chiếc xe mô tô cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Hồi 16 giờ ngày 07/12/2020, tại khu vực thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Tàng Văn P; Lương Văn T; Lộc Văn K đang có hành vi đưa dẫn 05 người Trung Quốc trên để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc theo đường mòn biên giới thuộc khu vực cửa khẩu B, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn thì bị Lực lượng chức năng đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

[3] Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo Tàng Văn P, Lương Văn T, Lộc Văn K theo điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương và khu vực biên giới, nhất là trong lúc cả nước đang ra sức phòng chống dịch bệnh Covid-19. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh đúng quy định của pháp luật nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra. Bị cáo Tàng Văn P là người giữ vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp liên lạc với đối

tượng bên Trung Quốc để đưa người nhập cảnh trái phép, trực tiếp thỏa thuận về mức tiền công với người bên Trung Quốc, là người chủ động rủ rê, lôi kéo bị cáo Lương Văn T cùng thực hiện hành vi phạm tội và là người tìm phương tiện cơ giới để đưa các đối tượng xuất cảnh trái phép. Nên bị cáo phải chịu mức án cao nhất so với các bị cáo khác; bị cáo Lương Văn T thực hiện với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực thứ hai trong vụ án, thực hiện theo sự phân công, chỉ đạo của bị cáo Tăng Văn P để lấy tiền công, đồng thời là người rủ thêm Lộc Văn K giúp sức cho bị cáo để đưa người xuất cảnh; bị cáo Lộc Văn K thực hiện với vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu, không có sự bàn bạc với các bị cáo khác mà chỉ là người phiên dịch cho Lương Văn T lấy tiền công, ban đầu bị cáo Lương Văn T thông báo với Lộc Văn K cùng lên khu vực cửa khẩu B, huyện Đ để bốc vác hàng hóa tuy nhiên khi Lộc Văn K lên xe của Lương Văn T mới phát hiện là khách Trung Quốc xuất cảnh trái phép nhưng do vụ lợi nên vẫn miễn cưỡng thực hiện.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Tăng Văn P tại Bản án số 75/2010/HSPT, ngày 10/11/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Cường đoạt tài sản (chấp hành xong 10/11/2014) đã được xóa án tích; bị cáo Lộc Văn K tại Bản án số 49/2013/HSPT, ngày 05/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 năm 06 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích (18/01/2017 chấp hành xong án phạt tù), đã được xóa án tích, nên có nhân thân không tốt; bị cáo Lương Văn T lần đầu phạm tội, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, nên được coi là có nhân thân tốt.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Tăng Văn P, Lương Văn T, Lộc Văn K khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo Tăng Văn P là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện trợ giúp pháp lý, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Từ những phân tích nêu trên, cần có một mức án nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên trong vụ án này, bị cáo Tăng Văn P là người giữ vai trò chính nên phải chịu mức án cao nhất; bị cáo Lương Văn T giữ vai trò thứ hai nên chịu mức án thấp hơn bị cáo Tăng Văn P; bị cáo Lộc Văn K giữ vai trò thứ yếu không đáng kể, nhưng có nhân thân không tốt nên cần có mức án phù hợp với vai trò của bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện các bị cáo thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng hoặc tài sản có giá trị không đáng kể (các BL: 184, 184, 241, 242, 285) nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về vật chứng: Các điện thoại di động sử dụng vào việc phạm tội cần tịch

thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước, trả lại giấy tờ tùy thân cho các bị cáo. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, màu trắng, có BKS: 12A- 051.23, kèm theo 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004230, mang tên Hoàng Minh L mà bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước, tuy nhiên đây là tài sản chung của bị cáo Lộc Văn T và vợ bị cáo là Triệu Thị M nên chỉ tịch thu 50% chiếc xe. Còn lại 50% trả lại cho chị Triệu Thị M. Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát: 12Z1- 031.88 là tài sản chung của vợ chồng Tăng Văn P và Hoàng Thị O, việc Tăng Văn P đem sử dụng vào việc phạm tội vợ của bị cáo không biết nên cần trả lại 50% giá trị chiếc xe cho Hoàng Thị O, còn lại 50 % giá trị tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với người đàn ông thường gọi là Voòng người Trung Quốc, Tăng Văn P khai không biết tên hay gọi theo họ là Voòng, không có số điện thoại, nhà ở Tổng M, Ninh M, Quảng Tây, Trung Quốc. Do không đủ thông tin nên Cơ quan điều tra không thể xác minh và tiến hành triệu tập để làm rõ mức độ liên quan của trong vụ án. Đối với người đàn ông lái xe ô tô nhãn hiệu Suzuki sử dụng số điện thoại 0865958914, kết quả đăng ký số điện thoại này là số chứng minh nhân dân của Trương Thị Diệu Th, nhưng qua xác minh không có căn cứ xác định Trương Thị Diệu Th là người liên quan trong vụ án. Đối với những người sử dụng số điện thoại 0325796362; 0345616277 và đối với Hoàng Văn Đ cơ quan An ninh Điều tra xác định không liên quan trong vụ án.

[13] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị của người bào chữa, đề nghị nào phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

[15] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, các điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Tăng Văn P; điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lường Văn T, Lộc Văn K; cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Tàng Văn P, Lương Văn T, Lộc Văn K phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Tàng Văn P 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 07-12-2020;

2.2. Xử phạt bị cáo Lương Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 07-12-2020;

2.3. Xử phạt bị cáo Lộc Văn K 05 (năm) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 07-12-2020.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu realme, màu xanh, cũ, đã qua sử dụng, có số Imei 1: 860343040477070; số Imei 2: 860343040477062; bên trong có 02 sim mạng Viettel, máy cũ, đã qua sử dụng;

- 50% 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, màu sơn trắng, loại xe ô tô con, số loại: SK410WV, dung tích xi lanh 970, số máy F10A1061568, số khung DA21VVN101342, số chỗ ngồi: 07, vỏ xe bị xước, vỡ; có BKS: 12A-051.23 (bên trong xe không có đồ vật, tài sản gì), xe cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 00423 mang tên Hoàng Minh L, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15/8/2015 sau khi đã hóa giá.

- 50% 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại FUTURE F1, màu sơn đỏ, ghi, dung tích xi lanh: 125, loại xe Hai bánh từ 50-175cm², số máy: JC54E3034291, số khung: RLHJC5372EZ012316, có biển kiểm soát: 12Z1-031.88 (Trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì) xe cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000555, do Công an huyện Đình Lập cấp ngày 25/9/2015 sau khi đã hóa giá;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh đen, cũ, đã qua sử dụng, màn hình nứt vỡ, có số Imei 1: 865966048849638; số Imei 2: 865966048849620; bên trong lắp 01 sim viettel (kiểm tra bằng cú pháp *#06#).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu sam sung, màu vàng đồng (nâu đồng) cũ, đã qua sử dụng, có số imei: 352141/10/388035/3, số Imei: 352142/10/388035/1, bên trong có 01 sim mạng viettel (kiểm tra trên vỏ máy).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, cũ, đã qua sử dụng; số Imei 1: 353119111939519; số Imei 2: 353119116939514; bên trong có 01 sim mạng Viettel;

3.2. Trả lại cho:

- Lương Văn T: 01 (một) CMND số 082201848 mang tên Lương Văn T, do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10/6/2009; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, cũ, đã qua sử dụng, có số Imei: 355625057789146, bên trong có 01 sim mạng viettel;

- Tàng Văn P: 01 (một) CMND số 082225087 mang tên Tàng Văn P, do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 24/02/2010;

- Chị Triệu Thị M 50% trị giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, màu trắng, có BKS: 12A- 051.23 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004230, mang tên Hoàng Minh L, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15/8/2015 sau khi đã hóa giá;

- Chị Hoàng Thị O 50 % (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại FUTURE F1, màu sơn đỏ, ghi, dung tích xi lanh: 125, loại xe Hai bánh từ 50-175cm², số máy: JC54E3034291, số khung: RLHJC5372EZ012316, có biển kiểm soát: 12Z1- 031.88 (trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì), xe cũ đã qua sử dụng sau khi đã hóa giá.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục T tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17 tháng 6 năm 2021).

4. Về án phí: Các bị cáo Tàng Văn P, Lường Văn T, Lộc Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp Lạng Sơn;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục T tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (trại tạm giam), TGVPL ;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; THS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí